TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15/6/2023
"V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Khuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đặng Thị Lan**
2. Bà **Thái Thị Thùy Tiên**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Bích** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 121/2023/TLST- HNGĐ ngày 14/3/2023 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2023/QĐST- HNGĐ ngày 08/6/2023 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1986 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: số nhà 171, tổ 7, ấp Tân Hòa, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Sỳ Tú H, sinh năm 1987 *(vắng mặt).*

Địa chỉ: số nhà 171, tổ 7, ấp Tân Hòa, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:*

Chị và anh Sỳ Tú H trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, thương yêu nhau trong thời gian 03 năm, đến năm 2014 thì tiến tới hôn nhân với nhau, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C tỉnh Đồng Nai vào ngày 10/6/2014. Đây đều là hôn nhân lần đầu của cả hai người. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị T trình bày: do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau; anh H đi làm mà không phụ tiền để cùng chị nuôi con, không có trách nhiệm và không quan tâm đến gia đình. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay do cuộc sống hôn nhân

của chị và anh H không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là Sỳ Xương Bảo V sinh ngày 30/10/2014 và Sỳ Xương An N, sinh ngày 14/10/2017, hiện tại hai cháu đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V và N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị xác định vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Từ khi thụ lý Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Sỳ Tú H, nhưng anh H vẫn vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ.*

** Quan điểm của Viện kiểm sát* huyện C:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

+ Về nội dung: áp dụng Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 58, 89, 91, 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T và anh H ly hôn; về con chung: giao cháu V và N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh H; về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

Kiến nghị khắc phục: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Sỳ Tú H, xin nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Sỳ Tú H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: số nhà 171, tổ 7, ấp Tân Hòa, xã B, Hện M, tỉnh Đồng Nai, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T có đơn và yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Sỳ Tú H đã được Tòa án nhân dân huyện C tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị T là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Sỳ Tú H đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai vào năm 2014; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65/2014 ngày 10/6/2014, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T nhận thấy:

Theo trình bày của chị T thì cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, do anh H đi làm mà không phụ tiền để cùng chị nuôi con, không có trách nhiệm và không quan tâm đến gia đình. Nay do tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến hôm nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh H trình bày ý kiến và hòa giải, nhưng anh H vẫn vắng mặt, điều này thể hiện anh H không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 19 của Luật HN&GĐ năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung T, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, thể hiện chị không còn tình cảm với anh H và không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật HN&GĐ năm 2014 chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

[6] Về con chung: Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu V và N, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Qua lời trình bày của chị T thì thấy hiện tại chị T có công việc và thu nhập ổn định. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu V và N thì thấy nên giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật HNGĐ. Nên chấp nhận cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và N.

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định vợ chồng không có, do anh H vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[8] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của BLTTDS thì chị T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng về phần áp dụng pháp luật nội dung không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 của Luật HN và GĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với anh Sỳ Tú H.

- Về con chung: giao con chung cháu Sỳ Xương Bảo V sinh ngày 30/10/2014 và cháu Sỳ Xương An N, sinh ngày 14/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Lệ T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Sỳ Tú H.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ khi cần thiết các bên có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo đảm cho đến khi trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Lệ T phải nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn*) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí chị Tú đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 0001890 ngày 13/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. C;
- Thi hành án dân sự H. C;
- Những người tham gia tố tụng;
-UBND xã B;
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(*đã ký và đóng dấu)*

Lê Thị Khuyên